

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2024

V/v ly hôn và xác nhận cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Phạm Thị Hoan.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc ly hôn và yêu cầu khởi kiện bổ sung xác nhận cha cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Vũ Hữu D, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Chị Nguyễn Thị H (mẹ đẻ cháu Thùy T), sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

4. Người làm chứng:

- Ông Vũ Hữu K, sinh năm 1952

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1958

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa, tất cả những người tham gia tố tụng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày: Chị và anh D tự do tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2012. Sau khi tổ chức cưới, chị H về sinh sống cùng gia đình anh D. Đến ngày 28/4/2014, chị và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã V). Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng tính cách, lối sống, không tin tưởng nhau, hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống không có hạnh phúc. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012. Cháu T được chị sinh ra sau khi chị về chung sống với anh D nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó, giấy khai sinh của cháu T chỉ thể hiện họ tên mẹ, không thể hiện họ tên bố. Như vậy, về mặt pháp lý thì cháu T chưa được thừa nhận là con của anh D. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xác nhận cháu Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012, số định danh cá nhân: 030312015443 là con của anh Vũ Hữu D, đồng thời chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản, công sức, nợ: Chị H xác định không tranh chấp về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Hữu D được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, thông qua người thân, anh trình bày cháu T là con chung của anh và chị H, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị H tự nguyện có trách nhiệm với con như thế nào thì tùy chị H.

Lời khai người làm chứng, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: A và chị H trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh Duy, chị H sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh D1, chị H có 01 con chung là Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012. Từ khi anh D1 chị H sống ly thân, con chung của anh D1 và chị H do anh D1 và phía gia đình anh D1 nuôi dưỡng; đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D1 nuôi dưỡng.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56,

81, 82, 83, 88, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Xử chị H ly hôn anh D1; xác nhận cháu Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012 là con của anh D1; giao cháu T cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh D1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con; chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX, nhận định.

[1]. Về tố tụng: Anh Duy được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng còn lại đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh D1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã V), huyện T, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm, không hợp tính nết, thường xuyên xảy ra xung đột, các đương sự đã chấm dứt cuộc sống chung, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị H kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh D1 không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Theo kết quả xác minh, người thân trong gia đình của đương sự cung cấp mâu thuẫn giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Từ những căn cứ như đã nêu ở trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của đương sự xử chị H ly hôn anh D1.

[3]. Về con chung, xác nhận cha cho con: Chị H và gia đình anh D1 đều xác định cháu Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012, số định danh cá nhân 030312015443 là con chung của chị H anh D1. Kết quả xét nghiệm ADN giữa bà L (mẹ đẻ anh D1) và cháu T thể hiện bà L và cháu T có quan hệ huyết thống bà – cháu. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H, xác định anh Vũ Hữu D là cha đẻ của cháu Vũ Thị Thùy T.

Từ sau khi chị H anh D sống ly thân, cháu T được anh D và gia đình anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh D và gia đình bên nội. Phía gia đình anh D và chị H đều đề nghị giao cháu T cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Bên cạnh đó, HĐXX thấy rằng anh D là người có thu nhập để nuôi dưỡng con cái và nhận được sự giúp đỡ của gia đình trong việc nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của

đương sự cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX giao anh D nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với các quy định tại Điều 58, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.800.000đ/1 tháng nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện xác nhận cha cho con, chị H có văn bản đề nghị miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 88, 90, 101, 102, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vũ Hữu D.
2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, xác định anh Vũ Hữu D là cha đẻ của cháu Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012. Giao con chung là Vũ Thị Thùy T, sinh ngày 26/3/2012 cho anh Vũ Hữu D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.800.000đ/1 tháng kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi con chung thành niên.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xác nhận cha cho con. Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001249 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị H còn phải chịu 300.000đ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Cường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang